

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2012

Đã được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diệm.

Tháng 4 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊCA VNECO.

Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2012, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cơ cấu vốn như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: VES

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại;
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi.

3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2012 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Văn Cường	Chủ tịch
Ông Lâm Quốc Hải	Thành viên
Ông Lê Thạch Túy	Thành viên
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên
Ông Trần Quang Huy	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Hồ Văn Quang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Quảng	Thành viên
Ông Võ Thành Lương	Thành viên

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty (tiếp theo)

Ban giám đốc

Ông Lâm Quốc Hải	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật	
Ông Nguyễn Văn Nhạ	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/7/2012
Ông Mai Thái Dũng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/7/2012
Ông Đoàn Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/7/2012

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Giám đốc



Lâm Quốc Hải



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 120637/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2012 của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐIỆN MÊCA VNECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 08/01/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long ngày 30/6/2011; tổng số lượng chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000** đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là **8.500** đồng/cổ phần. Cho tới thời điểm 31/12/2012, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền và bù trừ công nợ cho Công ty tổng số tiền **6.397.306.335** đồng, số còn lại **8.902.693.665** đồng chưa được thanh toán và cũng chưa thực hiện đối chiếu. Bằng các thủ tục khác, chúng tôi cũng không thu thập được thêm bất cứ thông tin gì liên quan đến việc xử lý khoản nợ này.



Branch in Ha Noi: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang: 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho: 5B, 30/4 St, Ninh Kieu Dist, Can Tho City.

Representative in Hai Phong: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hai Phong

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aiscnt@dn.vnn.vn

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (0311) 3828 945 Fax: (0311) 3828 946

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước. Bằng các thủ tục khác, chúng tôi cũng không thu thập được thêm bất cứ bằng chứng nào để đảm bảo cho sự chắc chắn của các khoản công nợ này. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Kiểm toán viên ước tính dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cho năm 2012 là: **5.069.128.532 đồng** (trong đó giá trị dự phòng chưa được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty là **4.974.019.659 đồng**).

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**

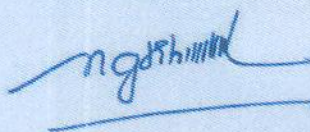
Giám đốc



Đào Tiên Đạt

Chứng chỉ KTV số: D0078/KTV

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hiệp

Chứng chỉ KTV số: 1401/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 đ	01/01/2012 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23,492,622,897	29,421,910,674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,513,091,676	1,493,052,639
1. Tiền	111	V.1	913,091,676	1,493,052,639
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,600,000,000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19,361,598,406	21,547,384,039
1. Phải thu khách hàng	131		9,915,544,396	9,559,454,102
2. Trả trước cho người bán	132		1,624,086,937	1,370,313,401
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	20,444,654,881	16,772,787,997
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(12,622,687,808)	(6,155,171,461)
IV. Hàng tồn kho	140		1,227,303,242	43,779,299
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1,227,303,242	43,779,299
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		390,629,573	6,337,694,697
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		390,629,573	6,337,694,697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178,159,369,596	175,926,881,131
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	27,101,627
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	27,101,627
II. Tài sản cố định	220		177,259,131,596	175,171,927,504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17,961,911,430	18,532,202,638
<i>Nguyên giá</i>	222		20,498,516,584	20,483,516,584
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2,536,605,154)	(1,951,313,946)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61,352,885,300	58,695,390,000
<i>Nguyên giá</i>	228		61,352,885,300	58,695,390,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	97,944,334,866	97,944,334,866
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		900,238,000	727,852,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,915,400,000	1,915,400,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1,015,162,000)	(1,187,548,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201,651,992,493	205,348,791,805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 đ	01/01/2012 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		123,460,439,582	110,943,025,543
I. Nợ ngắn hạn	310		48,950,643,580	47,768,917,583
2. Phải trả người bán	312		39,603,565,064	42,828,767,032
3. Người mua trả tiền trước	313		3,638,588,057	2,417,792,285
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2,733,807,902	31,325,535
5. Phải trả người lao động	315		20,844,398	249,436,000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	962,613,072	214,973,722
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1,002,022,749	963,720,671
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		989,202,338	1,062,902,338
II. Nợ dài hạn	330		74,509,796,002	63,174,107,960
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	74,400,705,093	63,174,107,960
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		109,090,909	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78,191,552,911	94,405,766,262
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	78,191,552,911	94,405,766,262
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,075,000,000	90,075,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,161,453,222	1,161,453,222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		976,705,862	976,705,862
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(14,021,606,173)	2,192,607,178
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201,651,992,493	205,348,791,805

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			0.00	411.42

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Giám đốc

Mai Thái Dũng

Mai Thái Dũng



Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

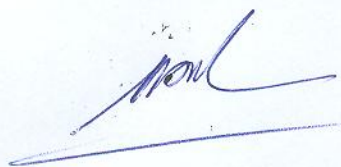
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	7,121,203,711	22,680,013,236
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7,121,203,711	22,680,013,236
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	5,329,131,672	20,475,096,942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,792,072,039	2,204,916,294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	272,976,266	84,856,483
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	9,183,854,988	6,406,703,760
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,356,042,170	2,902,235,760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,970,842,492	2,664,041,342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16,089,649,175)	(6,780,972,325)
11. Thu nhập khác	31		9,500,000	0
12. Chi phí khác	32		134,064,176	112,329,347
13. Lợi nhuận khác	40		(124,564,176)	(112,329,347)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16,214,213,351)	(6,893,301,672)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16,214,213,351)	(6,893,301,672)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	(1,800.08)	(765.28)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Mai Thái Dũng

Mai Thái Dũng

Lâm Quốc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

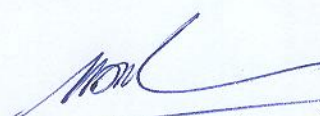
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	7,913,548,475	26,654,890,206
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(7,397,412,018)	(22,910,647,368)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,593,649,802)	(1,605,306,671)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(89,905,632)	(165,069,054)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(607,669,143)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	176,527,959	508,299,445
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(723,535,573)	(731,416,754)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,714,426,591)	1,143,080,661
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7,500,000)	(80,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273,116,446	84,856,483
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	265,616,446	4,856,483
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,644,000,000	14,800,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(175,080,000)	(17,139,265,579)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	2,468,920,000	(2,339,265,579)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,020,109,855	(1,191,328,435)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,493,052,639	2,684,381,074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(70,818)	0
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	2,513,091,676	1,493,052,639

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Mai Thái Dũng

Mai Thái Dũng

Lâm Quốc Hải

Thuyết minh Báo cáo tài chính*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO tiền thân là Công ty Cổ phần điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diệm.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ tám ngày 30/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh của Công ty là: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	98.800.000.000	65,87
- Ông Lê Thạch Túy	20.000.000.000	13,33
- Ông Đỗ Ngọc Tiến	200.000.000	0,13
- Các cổ đông khác	31.005.000.000	20,67

Tại thời điểm 31/12/2012, số vốn điều lệ thực tế đã góp của Công ty là **90.075.000.000 đồng**, cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	70,05
- Các đối tượng khác	26.975.000.000	29,95

1- Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 bao gồm: xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, kinh doanh cho thuê nhà, kinh doanh du lịch, khách sạn.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký và được cấp phép bao gồm:

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công - nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao);
- Bán buôn đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24/10/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2012, Công ty không có số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Do đó, nếu Công ty áp dụng VAS10 cũng không ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi, hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về việc “Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”.

3- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu giữa Công ty và khách hàng, được khách hàng chấp nhận thanh toán và đã phát hành hóa đơn tài chính theo quy định

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận theo nguyên tắc kế toán dồn tích, tuân thủ đầy đủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công): được ghi nhận tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho hoạt động kinh doanh lĩnh vực truyền tải điện.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hoạt động xây lắp và khách sạn chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17-Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	874.048.397	200.927.903
Tiền gửi ngân hàng (*)	39.043.279	1.292.124.736
Cộng	913.091.676	1.493.052.639

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Ngoại tệ	đ	Ngoại tệ	đ
Tiền gửi VND		39.043.279		1.283.472.573
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Mạc Thị Bưởi		0		8.591.151
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN 9 - TP.Hồ Chí Minh		0		865.683
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Nam Sài Gòn		4.917.474		0
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch II		3.628.649		3.823.826
Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Sài Gòn		0		5.512.735
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn		12.741.706		1.155.231.183
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN TP. Hồ Chí Minh		4.519.080		725.422
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh		4.592.603		0
Cty Chứng khoán NH Ngoại thương Việt Nam		8.643.767		108.722.573
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	0,00	0	411,42	8.652.163
NH TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch II	0,00	0	207,69	4.367.721
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Mạc Thị Bưởi	0,00	0	203,73	4.284.442
Tổng cộng		39.043.279		1.292.124.736

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tài sản chờ xử lý	11.177.469.850	5.037.311.951
- Liên quan đến hợp đồng bảo lãnh vay cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn	5.037.311.951	5.037.311.951
+ Lãi vay Mêca trả thay (*)	4.037.311.951	4.037.311.951
+ Gốc vay Mêca trả thay (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Liên quan đến khoản tiền giao cho Ông Đỗ Mạnh Hùng thực hiện việc xin giấy phép xây dựng Dự án (**)	6.140.157.899	0
Phải thu khác Công ty Cổ phần Thành Long (***)	8.902.693.665	11.700.000.000
Khoản tạm ứng cho một số đối tượng đã nghỉ việc khó có khả năng thu hồi	232.249.575	0
Phải thu Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	90.422.000	0
Kinh phí công đoàn	31.660.291	17.646.271
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500
Phải thu khác	0	7.670.275
Cộng	20.444.654.881	16.772.787.997

(*): Ngày 24/12/2008, Công ty TNHH Hải Vân Sơn ký hợp đồng mua Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C đường Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO với giá trị chuyển nhượng là **21.700.000.000** đồng. MÊCA thế chấp khách sạn Xanh Sài Gòn (chưa làm thủ tục sang tên cho Hải Vân Sơn do đang trong quá trình thanh toán) bảo lãnh cho Hải Vân Sơn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh số tiền **14.000.000.000** đồng, Hải Vân Sơn sau khi nhận tiền vay đã chuyển cho MÊCA **13.000.000.000** đồng. Tới thời điểm trả nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng thì Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán, Giám đốc Công ty TNHH Hải Vân Sơn đề nghị Ngân hàng thực hiện xử lý tài sản thế chấp, tuy nhiên tài sản này vẫn thuộc MÊCA nên Ngân hàng đã yêu cầu MÊCA phải trả nợ thay Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết và Công ty đã thực hiện theo yêu cầu này.

(**): Đây là khoản tiền Ban Giám đốc đã giao cho Ông Đỗ Mạnh Hùng (nay đã nghỉ việc) để thực hiện việc chi tiêu xin cấp giấy phép xây dựng cho Dự án 277 Bến Bình Đông, hầu hết phát sinh từ năm 2007, các khoản chi này không có hóa đơn, chứng từ kèm theo.

(***): Đây là khoản phải thu do MÊCA thoái vốn tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co ngày 30/6/2011 (Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại liên doanh Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long Vi Ne Co cho Công ty Cổ phần Thành Long; tổng số lượng chuyển nhượng là **1.800.000** cổ phần (mệnh giá **10.000** đồng/cổ phần); đơn giá chuyển nhượng là **8.500** đồng/cổ phần; cho tới thời điểm 31/12/2012, Công ty Cổ phần Thành Long đã thực hiện chuyển tiền và bù trừ công nợ cho Công ty tổng số tiền **6.397.306.335** đồng, số tiền còn lại **8.902.693.665** đồng chưa thanh toán và cũng chưa thực hiện đối chiếu).

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	43.793.341	43.779.299
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.183.509.901	0
Cộng	1.227.303.242	43.779.299

8. Tình hình tăng; giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Tại 01/01/2012	18.515.338.724	695.364.248	1.038.581.819	234.231.793	20.483.516.584
Tăng do mua sắm	0	15.000.000	0	0	15.000.000
Tại 31/12/2012	18.515.338.724	710.364.248	1.038.581.819	234.231.793	20.498.516.584
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	1.594.580.581	184.617.892	72.123.737	99.991.736	1.951.313.946
Khấu hao trong năm	411.451.972	59.880.000	86.548.484	27.410.752	585.291.208
Tại 31/12/2012	2.006.032.553	244.497.892	158.672.221	127.402.488	2.536.605.154
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	16.920.758.143	510.746.356	966.458.082	134.240.057	18.532.202.638
Tại 31/12/2012	16.509.306.171	465.866.356	879.909.598	106.829.305	17.961.911.430

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0 đ.

- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm dùng để cầm cố, thế chấp khoản vay là: 879.909.598 đ.

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại 01/01/2012	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tăng khác (*)	2.657.495.300	0	2.657.495.300
Tại 31/12/2012	61.352.885.300	0	61.352.885.300
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2012	0	0	0
Tại 31/12/2012	0	0	0
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2012	58.695.390.000	0	58.695.390.000
Tại 31/12/2012	61.352.885.300	0	61.352.885.300

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(*): Đây là khoản tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ phải nộp theo Thông báo số 9006/TB-CCT-TBA ngày 11/01/2012 của Chi cục thuế quận 7 - Cục thuế Tp. HCM (lô đất R1-72, R10, Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Dự án 277 Bến Bình Đông (*)	97.944.334.866	97.944.334.866
Cộng	97.944.334.866	97.944.334.866

(*): Đây là dự án căn hộ cao cấp tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Dự án có tổng mức đầu tư là **498.000.000.000** đồng xây dựng trên diện tích đất **5.465,4 m²** bao gồm 02 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Hiện nay dự án mới trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị đ	Số lượng CP	Giá trị đ
Công ty Cổ phần Sông Ba	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000
Cộng	191.540	1.915.400.000	191.540	1.915.400.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế GTGT phải nộp	79.339.902	25.555.240
Tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ phải nộp	2.654.468.000	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	5.770.295
Cộng	2.733.807.902	31.325.535

17. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Trích trước chi phí công trình	797.031.240	214.973.722
Tiền trợ cấp thôi việc phải trả	165.581.832	0
Cộng	962.613.072	214.973.722

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	25.298.828	0
Phải trả Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam	43.593.450	30.590.200
Nhận ký quỹ, ký cược	6.000.000	6.000.000
Các khoản phải trả khác	927.130.471	927.130.471
Cộng	1.002.022.749	963.720.671

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Hồ Chí Minh	379.020.000	554.100.000
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (*)	74.021.685.093	62.620.007.960
Cộng	74.400.705.093	63.174.107.960

(*) Đây là khoản tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho vay để trả nợ ngân hàng, trả tiền quyền sử dụng đất và tăng vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Dư tại ngày 01/01/2012	Tăng	Giảm	Dư tại ngày 31/12/2012	Đến hạn tại ngày 31/12/2012
Khoản vay Đầu tư Bến Bình Đông	41.000.000.000	0	0	41.000.000.000	41.000.000.000
Vay kinh doanh	14.000.000.000	0	0	14.000.000.000	14.000.000.000
Vay trả tiền quyền sử dụng lô đất R1-72 và R4-71, Tân Phong, Q7	0	2.644.000.000	0	2.644.000.000	2.644.000.000
Tiền lãi vay	7.620.007.960	9.266.136.538	508.459.405	16.377.685.093	16.377.685.093
Cộng	62.620.007.960	11.910.136.538	508.459.405	74.021.685.093	74.021.685.093

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	9.085.908.850	101.299.067.934
Lỗ trong năm trước	0	0	0	(6.893.301.672)	(6.893.301.672)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	2.192.607.178	94.405.766.262
Lỗ trong năm nay	0	0	0	(16.214.213.351)	(16.214.213.351)
Số dư cuối năm nay	90.075.000.000	1.161.453.222	976.705.862	(14.021.606.173)	78.191.552.911

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	63.100.000.000	63.100.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.975.000.000	26.975.000.000
Cộng	90.075.000.000	90.075.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2012	Năm 2011
	đ	đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp đầu năm	90.075.000.000	90.075.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

đ. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.007.500</i>	<i>9.007.500</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.007.500</i>	<i>9.007.500</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2012	01/01/2012
	đ	đ
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	1.161.453.222
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	976.705.862

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Các quỹ của doanh nghiệp (tiếp theo):

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.121.203.711	22.680.013.236
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	231.885.481	0
Doanh thu xây lắp	5.410.530.350	21.329.255.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.478.787.880	1.350.757.575

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	234.490.961	0
Giá vốn xây lắp	4.625.792.823	19.692.079.751
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	468.847.888	783.017.191
Cộng	5.329.131.672	20.475.096.942

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	177.206.266	17.817.483
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.770.000	0
Lãi kinh doanh chứng khoán	0	67.039.000
Cộng	272.976.266	84.856.483

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Chi phí lãi tiền vay	9.356.042.170	2.902.235.760
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	0	2.700.000.000
Lỗ bán ngoại tệ	128.000	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.818	0
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	0	804.468.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(172.386.000)	0
Cộng	9.183.854.988	6.406.703.760

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.214.213.351)	(6.893.301.672)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	305.627.087	425.028.297
<i>Phạt chậm nộp và vi phạm pháp luật về thuế</i>	<i>89.627.087</i>	<i>61.528.297</i>
<i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	<i>216.000.000</i>	<i>363.500.000</i>
Thu nhập tính thuế	(15.908.586.264)	(6.468.273.375)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.074.422.959	1.088.546.518
Chi phí nhân công	2.362.404.422	2.572.568.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	585.291.208	569.128.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.266.002	16.313.633.525
Chi phí khác bằng tiền	8.200.113.516	1.387.873.243
Cộng	15.483.498.107	21.931.750.788

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 đ	Năm 2011 đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.214.213.351)	(6.893.301.672)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.800,08)	(765,28)

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và ngày 01/01/2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2012 và ngày 01/01/2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)*****Độ nhạy đối với lãi suất (tiếp theo)***

	Tăng / giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
Đồng	+200	(1.437.752.268)
Đồng	-200	1.437.752.268
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
Đồng	+300	(1.850.431.660)
Đồng	-300	1.850.431.660

Mức tăng / giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày 31/12/2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 900.238.000 đồng (ngày 31/12/2011 là 727.852.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 90.023.800 đồng (ngày 31/12/2011 là 72.785.200 đồng), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 90.023.800 đồng (ngày 31/12/2011 là 72.785.200 đồng)

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh là các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và từ hoạt động tài chính là tiền gửi tại các ngân hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng có một số lượng lớn các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bị quá hạn và suy giảm giá trị do các tài sản tài chính này liên quan đến một số khách hàng không có khả năng thanh toán tốt vào ngày 31/12/2012.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

37.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm đ	Từ 1 - 5 năm đ	Tổng cộng đ
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay	0	63.174.107.960	63.174.107.960
Phải trả người bán	42.828.767.032	0	42.828.767.032
Phải trả khác	963.720.671	0	963.720.671
Chi phí phải trả	214.973.722	0	214.973.722
Cộng	44.007.461.425	63.174.107.960	107.181.569.385
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay	0	74.400.705.093	74.400.705.093
Phải trả người bán	39.603.565.064	0	39.603.565.064
Phải trả khác	976.723.921	0	976.723.921
Chi phí phải trả	962.613.072	0	962.613.072
Cộng	41.542.902.057	74.400.705.093	115.943.607.150

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty khó có khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Hồ Chí Minh.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2012 và ngày 01/01/2012.

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ (đ)				Giá trị hợp lý (đ)	
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012	01/01/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Đầu tư dài hạn	1.915.400.000	(1.015.162.000)	1.915.400.000	(1.187.548.000)	900.238.000	727.852.000
- Phải thu khách hàng	9.915.544.396	(95.108.873)	9.559.454.102	0	9.820.435.523	9.559.454.102
- Phải thu khác	14.030.427.616	(6.155.171.461)	16.744.982.226	(6.155.171.461)	7.875.256.155	10.589.810.765
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.513.091.676	0	1.493.052.639	0	2.513.091.676	1.493.052.639
TỔNG CỘNG	28.374.463.688	(7.265.442.334)	29.712.888.967	(7.342.719.461)	21.109.021.354	22.370.169.506
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	74.400.705.093	0	63.174.107.960	0	74.400.705.093	63.174.107.960
- Phải trả người bán	39.603.565.064	0	42.828.767.032	0	39.603.565.064	42.828.767.032
- Phải trả khác	976.723.921	0	963.720.671	0	976.723.921	963.720.671
- Chi phí phải trả	962.613.072	0	214.973.722	0	962.613.072	214.973.722
TỔNG CỘNG	115.943.607.150	0	107.181.569.385	0	115.943.607.150	107.181.569.385

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

3- Thông tin về bên liên quan

a- Giao dịch với Công ty mẹ: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty; chiếm 70,05% vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2012. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 bao gồm:

- Nhận vật tư (sắt, thép, bulông,...) phục vụ các hoạt động gia công cột thép, xây lắp đường dây theo các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty mẹ và Công ty;
- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty; nhận vốn bằng tiền do Công ty mẹ cấp (ứng vốn) để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty mẹ và Công ty đồng thời quyết toán khối lượng xây lắp, gia công hoàn thành và thanh toán công nợ với Công ty mẹ.
- Nhận vốn vay từ Công ty mẹ để thanh toán tiền mua quyền sử dụng lô đất R1-72, R10, Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Thông tin về bên liên quan (tiếp theo)

Công nợ giữa Công ty với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) tại ngày 31/12/2012 như sau:

Đơn vị tính: đ

TT	Nội dung	01/01/2012 đ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2012 đ
Tổng VNECO trả tiền trước cho MÊCA thi công công trình điện					
1	Vốn ứng trước thi công	1.265.694.319	6.571.644.002	5.579.156.563	2.258.181.758
MÊCA phải trả Tổng VNECO do mua vật tư					
1	MÊCA mua vật tư của Tổng VNECO	37.280.412.585	0	0	37.280.412.585
MÊCA phải trả khác VNECO					
1	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền sửa chữa công trình, tiền vay mượn tạm thời	30.590.200	63.643.251	50.640.001	43.593.450
2	MÊCA phải trả Tổng VNECO tiền thu xếp tín dụng	62.620.007.960	11.910.136.538	508.459.405	74.021.685.093
MÊCA phải thu khác VNECO					
1	Tổng VNECO phải trả tiền MÊCA chi hộ kinh phí đền bù	0	123.527.000	33.105.000	90.422.000
2	MÊCA báo nợ tiền phòng khách sạn Tổng VNECO	0	106.240.002	106.240.002	0

b- Các bên liên quan khác

- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam)

- Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Quan hệ thanh toán với VNECO 8 trong năm 2012

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Số dư tại 01/01/2012	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	Số dư tại 31/12/2012
Phải thu khách hàng	9.904.762	0	0	9.904.762

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b- Các bên liên quan khác (tiếp theo)

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Ngô Văn Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	0
Lâm Quốc Hải	Thành viên HĐQT	Thù lao	36.000.000	0
Lê Thạch Túy	Thành viên HĐQT	Thù lao	36.000.000	0
Lê Chí Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao	36.000.000	0
Trần Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.000.000	0
Đoàn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.000.000	0
Hồ Văn Quang	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	36.000.000	0
Nguyễn Văn Quảng	Thành viên ban kiểm soát	Thù lao	24.000.000	0
Võ Thành Lương	Thành viên ban kiểm soát	Thù lao	24.000.000	0

4- Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, cho thuê khách sạn,... Công ty không có chi nhánh nào nên chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần				
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	231.885.481	5.410.530.350	1.478.787.880	7.121.203.711
2. Chi phí	526.605.639	11.441.637.101	2.331.731.424	14.299.974.164
- Giá vốn	234.490.961	4.625.792.823	468.847.888	5.329.131.672
- Chi phí phân bổ	292.114.678	6.815.844.278	1.862.883.536	8.970.842.492
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(523.922.105)	(12.224.553.420)	(3.341.173.650)	(16.089.649.175)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	87.023.611	2.030.501.797	554.969.893	2.672.495.300
5. Tài sản bộ phận	6.566.329.398	153.210.646.655	41.875.016.441	201.651.992.493
6. Tài sản không phân bổ				
- Tổng tài sản	6.566.329.398	153.210.646.655	41.875.016.441	201.651.992.493
7. Nợ phải trả bộ phận	4.020.202.845	93.802.464.091	25.637.772.647	123.460.439.582
8. Nợ phải trả không phân bổ				
- Tổng nợ phải trả	4.020.202.845	93.802.464.091	25.637.772.647	123.460.439.582



Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2012 và số liệu tài chính năm 2011 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC), có phân loại lại các khoản phải thu ngắn hạn khác cho đúng bản chất kinh tế.

6- Tính hoạt động liên tục

Tính hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc lớn vào việc tài trợ vốn của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng tính hoạt động của Công ty vẫn được duy trì.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Mai Thái Dũng

Mai Thái Dũng

Lâm Quốc Hải

